TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CK** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ	*C K, ngày 23 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh L V T , sinh năm 1968
- Bị đơn: Chị Đ T H , sinh năm 1974

Đều có địa chỉ: khu T K i, xã M T , huyện C K, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh L V T , chị Đ T H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thoả thuận chị Đ T H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L A N , sinh ngày 01/3/2014, cháu L Đ A , sinh ngày 22/9/2006.

Anh L V T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/ 02 con/tháng, kể từ tháng 12/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng hằng tháng. Đối với con chung của vợ chồng là cháu L H Đ , sinh ngày 28/01/2000 đã thành niên, lao động tự túc được nên anh T , chị H không yêu cầu giải quyết.

Anh L V T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Anh L V T , chị Đ T H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh L V T xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L V T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008057 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C K , tỉnh Phú Thọ. Anh L V T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C K ;
- THADS huyện C K ;
- UBND xã M T ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo